

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **88/2023/DS-ST**
Ngày: 24/8/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và hợp đồng góp hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phùng Văn Luân.
- Ông Lê Văn Thương.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung-Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Kiều Thị Mỹ Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị G** sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: thị trấn Mỹ P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* - Chị **Nguyễn Thị Kiều Z** sinh năm 1984 (vắng mặt);
- Anh **Phan Văn H** sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị Bé B** sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà **Nguyễn Thị G** trình bày:

- Vào ngày 09/10/2021al (nhằm ngày 13/11/2021), bà có cho chị Nguyễn Thị Kiều Z vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 1%/ tháng, hẹn vài tháng trả, có biên nhận do chị Z viết. Sau khi vay, bà có gặp chị Z đòi nhiều lần nhưng chị Z không trả.

- Ngoài ra vào ngày 04/02/2021al (nhằm ngày 16/3/2021), bà có tham gia dây hụi tiền 2.000.000 đồng do vợ chồng anh H, chị Z làm đầu thảo. Hụi gồm có 25 phần, bà tham gia 02 phần với tên trong danh sách hụi là em chị Năm G (số thứ tự 16, em ruột bà tên Nguyễn Thị Bé B) và chị Năm G (số thứ tự 17), mỗi tháng khui 01 lần. Hụi đã khui được 10 lần thì vợ chồng anh H, chị Z ngưng không khui nữa. Bà đã đóng hụi cho chị Z 08 lần, em bà (em chị Năm G- Nguyễn Thị Bé B) đóng hụi giùm phần của bà cho chị Z 02 lần, số tiền cụ thể từng lần đóng hụi thì bà không nhớ, không có đóng tiền cho anh H. Hiện nay danh sách hụi chỉ có bản phô tô vì khi tham gia hụi chị Z chỉ giao giấy phô tô cho bà nên nay bà không yêu cầu giải quyết tiền phần hụi này là 20.000.000 đồng, bà sẽ củng cố chứng cứ để giải quyết bằng vụ án khác.

Do việc vay tiền phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng anh H, chị Z và nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình vợ chồng anh H, chị Z trong thời kỳ hôn nhân nên đây là nợ chung của vợ chồng và anh H phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị Z trả nợ.

Tại phiên tòa hôm nay bà yêu cầu chị Z trả cho bà số tiền vay là 25.000.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà yêu cầu được rút lại yêu cầu phần hụi của em bà (em chị Năm G- Nguyễn Thị Bé B) với số tiền 20.000.000 đồng và rút lại yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền vay. Số tiền hụi của em bà nếu em bà có kiện thì kiện bằng vụ kiện khác. Đồng thời bà yêu cầu được rút lại phần tiền hụi của bà là 20.000.000 đồng vì bà cần thời gian để củng cố chứng cứ khi nào có đầy đủ chứng cứ bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Anh là chồng của chị Nguyễn Thị Kiều Z, việc chị Z vay tiền và chơi hụi giữa chị Z với bà G thì anh hoàn toàn không biết. Việc chị Z sử dụng tiền đó vào mục đích gì thì anh không biết nhưng không dùng vào nhu cầu thiết yếu của gia đình, bà G không có giao tiền cho anh. Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà G.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Bé B trình bày:*

Việc bà Nguyễn Thị G đòi nợ tiền vay chị Nguyễn Thị Kiều Z, bà không có ý kiến.

** Bị đơn là chị Nguyễn Thị Kiều Z đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến và yêu cầu gì.*

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G, buộc chị Z trả cho bà G số tiền 25.000.000 đồng.

Giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị G trình bày có cho chị Nguyễn Thị Kiều Z vay tiền và có tham gia góp hụi với chị Nguyễn Thị Kiều Z, anh Phan Văn H; nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 463, Điều 471 Bộ luật dân sự.

[2] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc vắng mặt đương sự: Chị Nguyễn Thị Kiều Z, anh Phan Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt chị Z và anh H.

[4] Về rút một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị G rút các yêu cầu khởi kiện đối với phần hụi của em bà (em chị Năm G- Nguyễn Thị Bé B) với số tiền 20.000.000 đồng, rút lại phần tiền hụi của bà là 20.000.000 đồng, rút lại yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền vay mà chỉ yêu cầu chị Z trả tiền vay. Xét thấy, việc bà G rút các yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu khởi là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về yêu cầu chị Nguyễn Thị Kiều Z trả số tiền nợ là 25.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại giấy mượn tiền ngày 09/10/2021 (âm lịch) có thể hiện số tiền vay là 25.000.000 đồng và bà G có nộp cho Tòa án giấy mượn tiền đề ngày 09/10/2021 (âm lịch), chị Z không có ý kiến phản đối dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Mặt khác, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho chị Z đến nay đã quá 03 tháng cũng như tổng đạt các văn bản tố tụng khác cho chị Z nhưng chị Z không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày.

Do đó có cơ sở xác định chị Z có vay tiền của bà G là có thật, nên Hội đồng xét xử cần buộc chị Z trả cho bà G số tiền 25.000.000 đồng, thực hiện khi

án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về lãi suất: Bà G không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét ý kiến của anh Phan Văn H không đồng ý trả nợ, do bà G không yêu cầu anh H trả nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến này của anh H.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị Z phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu của bà Nguyễn Thị G về phần hui của em bà (em chị Năm G- Nguyễn Thị Bé B) với số tiền 20.000.000 đồng, tiền hui của bà là 20.000.000đồng và tính tiền lãi đối với số tiền vay.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G.

Buộc chị Nguyễn Thị Kiều Z trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*), bắt đầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Kiều Z phải chịu 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Do bà Nguyễn Thị G là đối tượng được miễn nộp tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà G.

4. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với bà G, bà B được tính từ ngày tuyên án; đối với chị Z và anh H được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thi